

Khi mới nhìn vào khám tù chỉ thấy có những bức tường kín mít và hai bệ xi măng trơ trên sẽ không thể tưởng tượng được trong đó chứa đầy những tài liệu, sách vở. Chẳng những thế, bọn gác ngục ngày hai lần mở cửa vào khám quét dọn, lục soát kỹ lưỡng để tìm những vật "cấm" không sót một chỗ nào cũng không thể phát hiện ra, bởi nó rất kín đáo. Đó là trong hốc tường đá, trên cao, phải leo lên mới thấy. Tường ở khám tù Côn Lôn không xây bằng gạch, mà là bằng đá nên người tù đã moi thành những hốc đá để chứa sách. Mỗi loại sách bỏ vào một cái túi khác nhau: túi đựng sách kinh điển Mác-Lênin, túi đựng sách báo xuất bản trong nhà tù, túi đựng giấy bút,... Những người làm việc cất sách, giữ sách, lấy sách cho anh em đọc chẳng những có tinh thần trách nhiệm, mà còn phải là những người mạnh khỏe, nhanh nhẹn, giỏi leo trèo. Mỗi khi trèo lên lấy sách, một người phải đứng trên vai một người khác, tay bám vào chiếc xà nhà, chân đạp vào tường rồi vớt người lên. Khi xuống phải có người đón đỡ. Bức tường nửa dưới sơn hắc ín đen, nửa trên trát vôi trắng, nên phải làm sao để khỏi in dấu. Người phụ trách thư viện mỗi khi lên xuống khoác trên mình những túi sách trông giống như người dân chài khoác lưới. Theo quy định, mọi người chỉ có thể học tập vào buổi trưa và buổi tối, mặc dầu trưa hay buồn ngủ và tối bóng đèn rất mờ. Vì sáng và chiều đều phải ra ngoài

hàng hiên để gác ngục cho quét dọn và khám tù. Cho nên, trong những khám chính trị phạm, buổi tối vui hơn cả. Bọn gác ngục Tây, ta đều về nhà, chỉ còn một tên thường trực và mấy người mã tà canh gác lấy lệ, thỉnh thoảng thấy khám nào ồn ào cũng không dám tự tiện vào, chỉ gõ cửa nhắc phải yên lặng hay chửi láo một vài câu mà thôi. Cũng lúc ấy, trong khám, chỗ này là lớp huấn luyện, chỗ kia là lớp học văn hoá. Món được chờ đợi nhất là phổ biến tin tức mới nhận được từ ngoài vào, đọc những tin trong báo hay dịch tin từ tờ báo chữ Pháp sang tiếng Việt cho mọi người nghe. Thường là tờ *Dépêche Indochinoise* (*Điện tín Đông Dương*) xuất bản hàng ngày ở Sài Gòn. Tờ báo này do một tên Tây gác ngục mua. Mỗi khi nó đọc xong, anh "bồi" của nó là người của ta lại vội vàng "mượn tạm" gửi theo đường giao thông ngầm vào cho anh em đọc. Đọc xong gửi trả ngay cho anh "bồi" để vào chỗ cũ nên không việc gì xảy ra cả. Báo chữ Pháp gửi vào chỉ có một số, Ban Tổ chức không thể luân phiên cho mọi khám nên người tù đã nảy ra sáng kiến, một người vừa đọc chữ Pháp vừa dịch ngay sang tiếng Việt, hai người ghi. Sau ít phút lấp rập, soát lại thành bản tin lưu hành ở các khám, còn báo trả lại cho chủ nó.

Những ngày như vậy ở Côn Đảo, Trần Huy Liệu đã được theo học các lớp huấn luyện và nghiên cứu cách mạng. Tuy vậy, ông vẫn dành

một phần thì giờ vào việc trau dồi chữ Pháp. Ông không phải học chữ và nghĩa qua từ điển nữa, mà đọc sách, cần mới tra cứu thêm. Sách chính trị, ông chẳng những đọc hiểu mà còn có thể dịch được. Sách kinh tế hay triết học, tâm lý học, Trần Huy Liệu cũng cố gắng đọc, song chỉ hiểu nó sau một thời gian học tập khá lâu. Về tác phẩm văn chương, thơ chữ Pháp, ông đọc không hiểu nên ít hứng thú, tiểu thuyết thì đọc rất say mê. Trong những sách đã đọc, có cuốn nổi tiếng như *Le crime de Sylveste Bonnard* (Tội ác của Sin-vét Bon-na) của A-na-tôn Frăng, giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp, ông đọc đi đọc lại đến hơn mười lần mà vẫn không thưởng thức được cái "hay" của nó. Đánh giá quá trình tự học gian khổ này của mình, Trần Huy Liệu nói: "kết quả công phu học tập tại nhà tù là tôi đã đọc thông nhưng chưa viết thạo, yếu nhất là nghe không quen và nói không được, chính vì cách học tập của tôi theo lối "du kích" rồi xoay ra "vận động chiến", chớ không có một đường lối chính quy. Dầu sao, mục đích yêu cầu tha thiết của tôi là dùng chữ Pháp để đọc sách báo giúp cho công tác nghiên cứu khoa học là đạt rồi. Nhiều bạn trong nhà tù thường nhắc đến cái quyết tâm tự học và thành quả của tôi. Nhưng quyết tâm của tôi được thành công còn phải nhờ ở việc xây dựng tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến thắng hoàn cảnh ác liệt,

biến nhà tù thành trường học lớn, thành lò đào tạo cán bộ.

Cuối năm 1934 và đầu năm 1935, tôi từ Côn Đảo trở về trường hoạt động, rất sung sướng thấy mình đã cứng rắn, sáng suốt hơn trước vì đã được trang bị bằng một nhân sinh quan mới, một đường lối cách mạng đúng và cộng vào đấy là một số kiến thức văn hoá, một phương tiện học tập sắc bén”.

“H” HÒA THƯỢNG THÍCH TỰ HỌC



Họ Nguyễn Cảnh vốn gốc ở Đông Triều, Quảng Ninh. Cuối đời Hồ (1407), giặc Minh xâm lược nước ta, có người là Nguyễn Cảnh Lữ chạy giặc, trước dừng chân ở Gia Viễn nay thuộc Ninh Bình, sau vào Hương Sơn, Hà Tĩnh. Trong họ Nguyễn Cảnh thời ấy có hai nhân vật nổi tiếng, dốc lòng tôn phò quý tộc nhà Trần, lập nhà Hậu Trần, kháng Minh dựng lại cơ nghiệp. Người cha, Nguyễn Cảnh Chân (? - 1409), làm An phủ sứ Hóa Châu (Thừa Thiên - Huế) theo Giản Định Đế Trần Ngỗi, con thứ vua Trần Nghệ Tông. Năm 1409, ông và Đặng Tất cầm quân, đánh giặc ở Bồ Cô (Ý Yên, Nam Định), diệt hàng vạn tên. Nhưng sau

Giản Định nghe lời gièm pha, sát hại cả hai. Người con, Nguyễn Cảnh Dị (? - 1413) thấy thế, cùng Đặng Dung, con Đặng Tất, bỏ hàng ngũ Giản Định, đem quân ra Thanh Hóa, rước Trần Quý Khoáng (cháu nội Nghệ Tông) vào Hà Tĩnh, lập làm vua, đặt niên hiệu là Trưng Quang, tiếp tục khởi nghĩa. Hai người đều bị bắt cuối năm 1413. Giặc giết Nguyễn Cảnh Dị trên đường giải sang Trung Quốc. Còn Đặng Dung nhảy xuống biển tự tử sau đó (1414). Ông là tác giả bài thơ *Cảm hoài* nổi tiếng với hai câu kết hay vào bậc nhất văn chương yêu nước thời phong kiến nước ta: "*Thù nước chưa xong đầu vội bạc/Mấy độ mài gương dưới bóng trăng*".

Nguyễn Cảnh Lữ khi Lê Thái Tổ lên ngôi, thiên hạ thái bình, liền lần theo dọc sông Lam, cuối cùng dừng chân ở đất Ngọc Sơn, Thanh Chương - Xứ Nghệ, làm nghề chở đồ ngang, kiếm sống. Năm 1430, nhân việc triều đình rà soát lại hộ tịch, thấy đất ấy tốt đẹp nên xin nhập tịch vào làng. Ông được tôn là Thủy tổ họ Nguyễn Cảnh, lấy Thanh Chương là đất phát tích. Hai đời tiếp, họ này ngoài làm nghề chèo đò còn làm nghề thuốc và mở lò dạy võ. Đến đời thứ tư là Nguyễn Cảnh Huy chiêu tập binh mã giúp sự nghiệp Trung Hưng nhà Lê, mới bắt đầu kế thế quý thịnh. Kể từ đó đến nay, dòng họ Nguyễn Cảnh đã 24 thế hệ, phát triển thành một dòng họ lớn, con cháu sống khắp mọi miền. Thời phong kiến, 17 người được phong tước công, gần 90 người được

phong tước *bầu*, các phẩm tước cao quý nhất, nhì của chế độ. Thời hiện đại, cũng có nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Cảnh Dinh - nguyên Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Nguyễn Song Tùng - nguyên Thứ trưởng Bộ Lao động; Nguyễn Cảnh Hiền Thiếu tướng Phó tư lệnh Bộ đội biên phòng. Các Phó giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Cảnh Lương, Nguyễn Cảnh Huệ, Nguyễn Cảnh Minh, Nguyễn Cảnh Tuấn. Các doanh nhân - Nguyễn Cảnh Sơn, Nguyễn Cảnh Hồng, Nguyễn Cảnh Việt,...

Nhà giáo nhân dân - Giáo sư - Tiến sĩ khoa học (NGND - GS.TSKH Nguyễn Cảnh Toàn - nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục, là một trong số đó.

Nguyễn Cảnh Toàn sinh ngày 28 tháng 9 năm 1926 tại làng Nghiêm Thắng, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương. Bởi vì tổ phụ đã chuyển cư về đây, và cũng do sự cải đổi đơn vị hành chính qua các thời nên làng ông trước thuộc Thanh Chương nay về Đô Lương (vốn dĩ đời Lê, Nghệ An, Hà Tĩnh đều gọi chung là Xứ, rồi Trấn Nghệ An. Năm 1831, Nguyễn Minh Mệnh mới chia thành hai tỉnh. Thanh Chương thuộc phủ Anh Đô sau đổi là Anh Sơn. Năm 1919, chính quyền thực dân Pháp bỏ cấp phủ, Thanh Chương và Anh Sơn thành hai huyện. Năm 1963, Chính phủ ta lại chia Anh Sơn thành hai, một giữ tên cũ, một lấy tên mới là Đô Lương). Đô Lương cũng là một vùng quê trù phú, đất rộng, người đông

gồm cả miền núi, trung du (bán sơn địa) và đồng bằng. Từ xưa đã có câu ca: "Muốn ăn khoai sọ chấm vừng/Xuống đây mà ngược đò Lương cùng anh/Đò Lương bến nước trong xanh/Gạo ngon, lúa tốt, bến thành ngược xuôi". Đời sống thuần hậu, trọng học.

Cha NGND-GS.TSKH Nguyễn Cảnh Toàn là nhà nho, lận đận khoa cử Hán học cho đến tận lúc nó bị bãi bỏ mà vẫn chẳng nên công cán gì. Tự mình không làm nên "bia đá bằng vàng" nên ước nguyện này cụ dồn hết vào con cái. Bởi thế, cụ rất chú trọng việc học của các con. Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn kể: cụ theo riết việc học của chúng tôi, hay so sánh với con nhà hàng xóm, cứ mỗi lần học là cụ lại ngồi gần "theo dõi". Hồi đó, chúng tôi xếp thứ theo từng tháng, hễ tháng nào tôi kém là phiền với cụ, cụ dầy dả suốt. Sau này, cả bốn người con, hai là Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học, một Giáo sư - Tiến sĩ, một Tiến sĩ cũng nhờ sự khởi đầu được quan tâm rất mực này. Tuy nhiên, ở bậc tiểu học, cậu bé Toàn cũng chỉ vào loại khá chứ chưa xuất sắc, chưa tỏ ra có năng khiếu gì, có một lần duy nhất được tuyên dương môn văn. Năm 1938, học xong tiểu học, Nguyễn Cảnh Toàn học cao đẳng tiểu học (tương đương THCS bây giờ) ở Collège Vinh. Môn toán bắt đầu được cậu yêu thích. Khi học, cậu rất hay hỏi, muốn hiểu cặn kẽ vấn đề. Không thoả mãn, cậu thường tìm sách tham khảo để đọc thêm. Dần dần, Nguyễn Cảnh Toàn được xếp thứ nhất trong lớp.

Trợ học cùng một anh lớp trên, cậu mượn sách toán xem, thấy không có thầy giảng giải vẫn có thể hiểu và làm được toán. Từ đó, ấn tượng về sự tự học khắc trong tâm trí. Nguyễn Cảnh Toàn cũng rất thích đặt ra những đầu đề gặp trong thực tế để tìm cách giải bằng toán. Một lần cậu tàu hoả, bỗng tò mò muốn tính vận tốc tàu. Cậu nhìn những cột cây số bên đường, nhìn đồng hồ xem thời gian đi tiếp sang cột cây số khác là mấy phút, thế là biết được vận tốc. Có đoạn đường không có cột cây số thì làm thế nào? Cậu ghi lại thời gian bánh tàu nghiêng trên đường ray, đến khoảng nối giữa hai thanh phát ra tiếng "kịch". Khi xuống ga, liền đo độ dài của thanh ray, vậy là cũng biết vận tốc. Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học Nguyễn Cảnh Toàn cho biết, ông học giỏi môn toán, nhờ công rất nhiều của thầy Đinh Thành Chương (ở trường thầy dạy cả toán, lý, hoá, sinh). Thầy có quyển sách mới nào cũng gọi ông đến cho mượn. Theo Giáo sư, việc này có tác dụng rất lớn, vì thầy cho mượn thì buộc mình phải đọc kỹ, để khi thầy hỏi còn biết trả lời. Thầy Chương nhiều lần nói trước lớp: "Toàn không phải thần đồng, nhưng biết cách học, các trò phải theo gương Toàn".

Năm 1942, tốt nghiệp xuất sắc bậc cao đẳng tiểu học, Nguyễn Cảnh Toàn vào Huế học tiếp bậc tú tài (như THPT hiện tại) ở Quốc học Huế. Bậc tú tài bấy giờ chia làm hai phần, ba ban: Ban Khoa học (sciences), Ban Toán (Mathématiques) và Ban Triết (Philosophie). Học xong hai năm đầu, thi lấy chứng

chỉ *Tú tài bán phần* (Tú tài I), học tiếp một năm, thi lấy bằng *Tú tài toàn phần* (Tú tài II). Nguyễn Cảnh Toàn học Ban Toán với bảy môn là Hình học, Số học, Lượng giác, Đại số, Cơ học, Hình học hoạ hình, Thiên văn. Ý định học "vượt" nảy ngay trong đầu chàng thanh niên Xứ Nghệ. Những ngày nghỉ, anh tự học chương trình năm thứ hai và cuối năm thứ nhất, đăng ký dự kỳ thi tú tài bán phần, đỗ loại xuất sắc. Do vậy, chỉ hai năm, năm 1944, Nguyễn Cảnh Toàn đã lấy xong bằng tú tài toàn phần.

Cha mẹ rất hài lòng về tính cần cù, trí tuệ miễn tiệp của con, nhưng không muốn con học Đại học khoa học như ý nguyện, mà bắt "quý tử" phải thành một cử nhân Luật để làm quan. Chiều lòng song thân, Nguyễn Cảnh Toàn đăng ký học luật (trường này chỉ cần ghi tên là được) nhưng vẫn lén thi và đỗ vào Đại học Khoa học. Nhưng mới học được 5 tháng thì Nhật đảo chính Pháp, trường đóng cửa, chàng sinh viên vừa qua tuổi 19 đành khăn gói về quê. Thế rồi Cách mạng tháng Tám bùng nổ, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương, tích cực dạy truyền bá quốc ngữ. Tháng 9/1946, Chính phủ ta mở lại trường đại học, ông lên Hà Nội để tiếp tục học Đại học Khoa học. Vừa hay, nhà trường tổ chức thi *Chứng chỉ Toán đại cương* cho sinh viên học xong năm thứ nhất. Nguyễn Cảnh Toàn đã tự học chương trình này cả năm trước đó, nên ghi tên thi và đỗ thủ khoa. Đang học lấy Chứng chỉ Cơ học

thuần lý và Vi phân, Tích phân thì Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông lại về quê tham gia kháng chiến. Năm 1947, Liên khu Bốn mở trường Trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng (ở Hà Tĩnh), nhà trường mời ông dạy môn toán năm thứ hai, rồi năm cuối cấp. Nhiều đồng nghiệp lo ông không đảm đương nổi, vì mới chỉ học đại học chưa đầy một năm. Họ chỉ dẫn, cứ dạy theo sách của Bờ-ra-xê (Brachet) là xong. Tác giả này là thạc sỹ toán học, nguyên Giám đốc Nha học chính Đông Dương. Các sách giáo khoa toán dạy trong các trường ở Đông Dương trước đây đều do Brachet viết). Nguyễn Cảnh Toàn y lời, nhưng không theo rập khuôn mà chỉnh lý lại sách của Brachet để dạy. Công việc này là một hoạt động khoa học không dễ. Bởi vì trong sách của mình, Bờ-ra-xê không chứng minh, giải thích, chỉ áp đặt các định nghĩa, định lý. Thực hiện chứng minh nó bằng cách của cá nhân, với thầy giáo trẻ Nguyễn Cảnh Toàn thật sự là những hoạt động sáng tạo nhỏ, bước đầu, dẫu là lặp lại những điều ai đó đã làm ở đâu đó. Chỉ sau ba tháng, ông đã nổi tiếng dạy giỏi khắp Liên khu. Thiếu giáo viên nên ông còn nhận dạy cả triết học. Năm 1949, Bộ Giáo dục mở cuộc thi tốt nghiệp đại học cho những sinh viên đang học dở dang thì bị chiến tranh phải tạm ngừng. Đây là cuộc thi "có một không hai" ở nước ta. Vì chỉ một mình Nguyễn Cảnh Toàn dự thi, thi đỗ. Hội đồng giám khảo gồm ba vị: Đặng Phúc Thông,

Nguyễn Thúc Hào, Phó Đức Tố. Năm sau, chính ông lại tham gia Hội đồng chấm thi Kỳ thi Toán đại cương cũng chỉ có hai thí sinh là Hoàng Tuy và Nguyễn Văn Bằng. Cả hai đều đỗ, ông Tuy đỗ loại giỏi. Năm 1951, Nguyễn Cảnh Toàn được điều lên dạy trường đại học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở Chiến khu Việt Bắc. Giữa năm này, vì muốn giữ an toàn cho sự nghiệp đào tạo nhân lực sau khi kháng chiến thắng lợi, Chính phủ quyết định chuyển nhà trường sang Khu học xá trung ương xây dựng ở Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc) theo cam kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Mao Trạch Đông tại Mátxcova năm 1950. Trường chỉ có hai khoa là Sư phạm cao cấp và Khoa học cơ bản với 9 giáo viên 127 sinh viên. Năm 1954, giải phóng Thủ đô, nhà trường chuyển về Hà Nội mang tên Đại học Sư phạm - Khoa học, mục tiêu chính là dạy học các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, không lấy nghiên cứu làm chính yếu. Bởi hồi ấy vẫn quan niệm, vốn tri thức của các giảng viên chưa đủ dày dặn để bắt tay làm khoa học, nhất là khoa học cơ bản. Nhưng phẩm chất muốn khám phá, sáng tạo luôn thôi thúc Nguyễn Cảnh Toàn. Ông bộc bạch nỗi niềm với Giáo sư Lê Văn Thiêm, Giám đốc kiêm Chủ nhiệm khoa Toán - Lý. Giáo sư Thiêm là người Việt Nam đầu tiên (1948) nhận bằng Tiến sĩ Quốc gia về Toán học của Pháp, năm 1949 là Giáo sư Trường đại học Tổng hợp Duy rích

(Thuy Sĩ). Nhà toán học nổi tiếng đã nói một ý mà người cán bộ giảng dạy trẻ nhớ mãi: "Hồi ở Pháp, tôi cũng nghĩ như anh, cứ tưởng phải đọc thiên kinh vạn quyển rồi mới nghiên cứu được. Nhưng rồi, ông thầy tôi bảo rằng, nếu bố anh chờ tìm hiểu hết con gái trên đời mới lấy vợ thì chẳng bao giờ sinh ra anh". Thế là Nguyễn Cảnh Toàn lặng lẽ thực hiện đề tài do mình tự đặt ra. Khi thấy kết quả khả quan, ông báo cáo Giáo sư Lê Văn Thiêm, Giáo sư đã cho ông trình bày công trình trước khoa, nhưng rồi cũng bỏ đó, vì không ai biết đánh giá thế nào! Năm 1957, Bộ Giáo dục cử 9 thầy giáo đi thực tập sinh ở Đại học Lô-môn-ô-xốp (Liên Xô cũ) trong đó có Nguyễn Cảnh Toàn. Thầy Toàn liền mang theo bản thảo sang. Chưa biết tiếng Nga, thầy chuyển tiếng Pháp, nhờ một giáo sư toán học của Lô-môn-ô-xốp cho ý kiến. Hai tháng sau, Giáo sư gặp Nguyễn Cảnh Toàn, thông báo, nội dung rất tốt, xứng đáng là luận án Phó Tiến sĩ. Và dưới sự hướng dẫn của ông, Nguyễn Cảnh Toàn viết lại luận án bằng tiếng Nga. Ngày 24/6/1958, tại Đại học Lô-môn-ô-xốp, Nguyễn Cảnh Toàn trở thành người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công học vị Phó Tiến sĩ. Người phản biện, Giáo sư - Tiến sĩ Toán Lý - A.A. Gla-gô-lép nhận xét: "Theo tôi, Nguyễn Cảnh Toàn là một nhà hình học xạ ảnh thiên tài, tinh thông cả về phương pháp tổng hợp lẫn phương pháp giải tích".

Về nước, ông làm Chủ nhiệm Khoa Toán Đại học Sư phạm Hà Nội, vừa quản lý, vừa dạy học, vừa nghiên

cửu khoa học. Năm 1963, ông viết xong luận án tiến sĩ. Nhưng cũng như trước đây, Nguyễn Cảnh Toàn chưa biết công trình của mình có tầm khoa học này không. Lần này thì Giáo sư Tạ Quang Bửu động viên gửi sang Liên Xô thẩm định. Luận án gửi đi, ba tháng sau, Phó tiến sĩ Nguyễn Cảnh Toàn sang bảo vệ để có trong tay học vị cao nhất. Khác hẳn quan niệm "Xa vô tận là tuyệt đối" trong *không gian Ơcờlít* hay *phi Ơcờlít*, từ kết luận: "Xa vô tận chỉ là tương đối", luận án tiến sĩ khoa học của Nguyễn Cảnh Toàn khái quát thành một lý thuyết bao trùm mang tên *Hình học siêu phi Ơcờlít*. Đó chính là *Hình học Nguyễn Cảnh Toàn*.

Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học Nguyễn Cảnh Toàn tiếp tục làm Chủ nhiệm khoa Toán Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm 1967 đến 1975 là Hiệu trưởng nhà trường. Từ 1976 đến 1989, ông đảm nhiệm chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1980, ông được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

NGND-GS. TSKH Nguyễn Cảnh Toàn đã công bố 8 bài báo khoa học, biên soạn và viết 26 cuốn sách, hơn 650 bài báo về giáo dục. Các tác phẩm được đánh giá cao là *Phương pháp luận duy vật biện chứng và việc học, dạy và nghiên cứu khoa học* (2 tập); *Ultra non euclidian geometry* (Hình học siêu phi Ơcờlít); *Tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu* (2 tập); *Bàn về giáo dục Việt Nam*.

Nhìn lại sự nghiệp của NGND-GS. TSKH Nguyễn Cảnh Toàn, mọi người đều thống nhất, điều cốt yếu

làm nên thành công ở ông là chủ động tự học, tự nghiên cứu. Bản thân Giáo sư cũng khẳng định như vậy. Ông nói: "Tôi sinh ra và lớn lên trong chiến tranh, việc học hành luôn bị dở dang, đứt đoạn. Vì thế, tự học là điều hết sức cần thiết để tôi bù đắp những thiếu hụt của mình. Trong học tập, nếu thiếu chủ động, thầy ra bài nào làm bài ấy, sách có thể nào học thế ấy, hiệu quả sẽ không cao. Có người bảo tôi, anh đừng chủ quan, tưởng mình tự học thành công thì ai cũng có thể tự học thành công. Theo tôi, mọi người đều có khả năng tự học nhiều hay ít, trừ khi bị những khuyết tật tâm thần. Biết vun vén thì khả năng đó sẽ phát triển". Từ kinh nghiệm bản thân, ông nhận ra, một đất nước phát triển là một đất nước có nguồn nhân lực cao, nếu chỉ chờ đợi đi đào tạo ở nước ngoài thì không đáp ứng nổi nhu cầu này, càng không tạo ra môi trường khoa học trong nước. Vì thế, năm 1976, trên cương vị Thứ trưởng Bộ Giáo dục, ông chủ trương đào tạo tiến sĩ trong nước. Một chiến lược giáo dục quan trọng đến hôm nay vẫn đang thực hiện một cách có kết quả. Không chỉ đào tạo bậc cao, ông còn triển khai đề tài đào tạo từ xa giáo viên THPT, thiết lập hệ Đại học Sư phạm vừa học vừa làm, lấy sự nỗ lực cá nhân làm nòng cốt. Mặc cho có ý gièm pha, chế giễu, "Chính quy còn chẳng ăn ai/Nửa là vừa học, vừa chơi, vừa làm". Khẩu hiệu ông đưa ra trong đào tạo là "Biến quá trình đào tạo thành tự đào

tạo". Dạy học sinh phổ thông, vị thứ trưởng cũng nhất quán quan điểm này. Theo ông, một đứa trẻ học tiếng Anh, gặp một từ nó không hiểu, nó hỏi bố từ đó nghĩa là gì, bố trả lời ngay. Như thế là sai, là làm hộ đứa trẻ, mà đúng ra người bố phải đưa cho con cuốn từ điển, để nó tự tra nghĩa. Phải khơi gợi, kích thích sự tự suy nghĩ độc lập trước đối tượng. Với ông, "dạy cho học sinh được một kiến thức cũng quý và đôi khi cũng khó, nhưng dạy làm sao cho họ có tính tò mò khoa học, tính chủ động tìm học thì quý hơn nhiều và khó hơn nhiều, nhưng người thầy cứ cố gắng nhẫn nại thế nào cũng thành công". Trong *Bàn về giáo dục Việt Nam*, ông nêu hai quan điểm quan trọng: "*Tư duy và nhân cách quan trọng hơn kiến thức*" và "*Người thầy dở là người chỉ đem kiến thức cho học trò, người thầy giỏi là người biết đem đến cho họ cách tự tìm ra kiến thức*".

Nhìn vào diễn biến giáo dục nước nhà hiện tại, Nhà giáo nhân dân, vị Giáo sư khả kính 86 tuổi vẫn bản khoăn nhiều điều. Như cách giáo viên trả lời thay học sinh đang rất phổ biến trong nhà trường. Rất ít thầy, cô dạy học sinh cách sưu tầm tài liệu, cách tự tìm kiến thức. Lâu nay, chúng ta đánh mất sự tự học, lại dạy thêm, học thêm tràn lan làm xói mòn nội lực tự mày mò nghiên cứu. Học trò bây giờ thụ động quá, đi học chỉ nhằm nhằm những gì cần cho thi cử trước mắt, cái khác thì bỏ qua.

Cứ thế này thì nguy lắm, nước nhà sẽ chẳng bao giờ có đội ngũ khoa học sánh tầm với nước ngoài được. Do vậy, cần tuyên truyền, phổ biến mạnh tinh thần, cách thức tự học. Rồi chuyện "Đà Nẵng nói không với bằng tại chức". Qua đây, một mặt, ông thấy chất lượng đào tạo tại chức đáng báo động, người ta đã mất lòng tin ở nó. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có giải pháp nghiêm túc về hệ đào tạo này. Mặt khác, ông cũng chỉ ra, chủ trương ấy sai Luật Giáo dục, vì Luật công nhận đào tạo tại chức. Giáo sư đặt câu hỏi: Không ai học tại chức nữa, lấy gì để xây dựng xã hội học tập? Giải quyết vấn đề này, ông kiến nghị, cấp thiết xây dựng Trung tâm quốc gia đào tạo tại chức. Bởi số lượng người học tại chức luôn gấp nhiều lần số người học chính quy. Ngay ở cấp vĩ mô, Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn, cũng thẳng thắn nêu ý kiến dựa vào sự từng trải 80 năm của mình trên mặt trận giáo dục, từ lúc tóc để chỏm làm học trò đến khi thành vị giáo sư, tiến sĩ lãnh đạo toàn ngành. Ấy là, Luật Giáo dục đã qua hai lần sửa đổi, nhưng nhiều vấn đề chưa xác đáng. Luật cho rằng "Nhà giáo quyết định chất lượng giáo dục", nhưng quy luật thực tiễn thì "Sự nỗ lực cố gắng của người học mới quyết định chất lượng giáo dục".

NGND-GS. TS Nguyễn Cảnh Toàn có một cuộc sống giản dị, đạm bạc, cả đời theo đạo học. Trẻ học đã đành, về già, hơn 80 tuổi vẫn học. Thuở hàn vi

học để lập thân, lập nghiệp, đến khi đã có danh vọng, học hàm - giáo sư, học vị - tiến sĩ khoa học, văn học. Mà con đường học tập dẫn đến thành tài, thành công của ông chủ yếu trông vào tự học. Cái sự tự học này ông đã nhiều lần nói tới, luôn nhấn mạnh, cổ vũ, tuyên truyền bằng lời lẽ, bằng cả công trình khoa học. Vì thế, người ta mới mệnh danh ông là "hoà thượng Thích Tự Học".

“ *NGƯỜI CHA CỦA TỐI ƯU
TOÀN CỤC* ”



Tháng 3/1959, Hoàng Tuy là một trong hai người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ toán học tại Đại học Lô-môn-ô-xốp thuộc Liên Xô (cũ). Năm năm sau - 1964, ông công bố trên *Báo cáo của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô*, số 4 một công trình dài 4 trang. Trong đó, nhà toán học Việt Nam 37 tuổi trình bày cách giải bài toán *Tìm cực tiểu hàm lồi trên một tập đa diện lồi giới nội*. Đây là bài toán trung tâm, thường gặp nhất và nằm trong hầu hết các bài toán *tối ưu toàn cục* khác. Các ý tưởng cơ bản và phương pháp giải ông đưa ra sau này phát triển thành khái niệm và phương pháp có tính kinh điển. Cũng chính là cơ

cơ sở của những công trình lớn thật sự gây tiếng vang quốc tế sau này trong toán học. Bởi vì nó đề xuất một *lát cắt* có khả năng ứng dụng rất đa dạng, không những để giải những bài toán *tối ưu toàn cục* (những bài toán "khó về bản chất", trước đó chưa ai giải được), mà còn để giải những bài toán *quy hoạch tổ hợp*. Phương pháp của Hoàng Tuy được giới toán học quốc tế gọi là *Tuy's cut* (Lát cắt Tuy), một thuật ngữ thường được trích dẫn trong các công trình toán học chuyên ngành. Tiếp tục đi vào lý thuyết này, Hoàng Tuy đã đạt một số kết quả nghiên cứu sâu sắc, có tầm bao quát lớn. Năm 1972, ông công bố công trình *Tính không tương thích của bất đẳng thức tuyến tính* trên tạp chí toán học của Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan. Định lý đưa ra ở đây được coi là ngang hàng với các định lý nổi tiếng của Farkas, Helley, Brouwer..., được giới toán học quốc tế nhắc tới nhiều và thường nêu lên những ứng dụng mới. Công trình của Hoàng Tuy về *Quy hoạch lồi* cũng đã kích thích được nhiều nghiên cứu, nhiều ứng dụng trong giới toán học quốc tế - Mỹ, Đức, Nhật,... Được coi là cột mốc đánh dấu sự ra đời của chuyên ngành toán học mới - *Lý thuyết tối ưu toàn cục*. Sau đó, nhu cầu lại đòi hỏi phải xây dựng một khung toán học vững chắc để bao quát những bài toán rộng hơn *Quy hoạch lồi*. Lý thuyết *Tối ưu DC* (D. C. là viết tắt tiếng Anh thuật ngữ *Hiệu hai hàm lồi*) của Hoàng Tuy ra đời năm 1985, công

bổ trên nhiều tạp chí toán học của Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Nga,... đáp ứng nhu cầu này. Cuối những năm 70 (Thế kỷ XX), ông còn nổi tiếng khi đưa ra thuật toán cho phép tái khởi khi *tính điểm bất động* theo nguyên lý Brouwer mà không cần đến một nguyên phụ như các thuật toán trước đó.

Là phó viện trưởng, rồi viện trưởng Viện Toán học Việt Nam, Hoàng Tuy tập hợp một số nhà toán học trẻ có triển vọng, lập ra các nhóm nghiên cứu về thuật toán, giải tích lồi, lý thuyết điểm bất động... Nhiều người về sau đã trở thành tiến sĩ, tiến sĩ khoa học như Đinh Thế Lục, Nguyễn Xuân Tấn, Lê Dũng Mưu, Phan Thiên Thạch, Trần Vũ Thiệu,...

Những năm 80 của thế kỷ trước, trong sự phát triển toàn cầu của "tối ưu toàn cục". *Trường phái Hà Nội* (Hanoi School) đóng vai trò nổi bật. Một nhà toán học nước ngoài có uy tín đã phát biểu rằng ông "rất vinh dự và sung sướng" khi đặt chân đến "địa danh nổi tiếng thế giới về tối ưu hoá" (world famous place in optimization). Nhiều lớp bài toán quan trọng được *Trường phái Hà Nội* tập trung nghiên cứu và giải quyết thành công. Các lớp bài toán khác nhau được tiếp cận một cách hệ thống thông qua một bài toán chuẩn của giáo sư Hoàng Tuy. Thuật toán giải bài toán chuẩn được xây dựng thích hợp với từng bài toán gốc sinh ra nó. Các thuật toán khác nhau đó đều tuân theo một lược đồ tổng quát dựa trên phương pháp phân

hoạch không gian theo kiểu "chia nón", kết hợp với phương pháp "xấp xỉ ngoài" để nâng cao hiệu quả. *Thuật toán chia nón* (Conical Algorithm) rất nổi tiếng trong thế giới toán học hồi đó, về sau, được gọi là *Thuật toán kiểu Tuy* (Tuy - type algorithm). Rồi định lý Hoàng Tuy về hệ bất đẳng thức không tương thích gọi là *Điều kiện không tương thích Tuy* (Tuy's inconsistency condition) ra đời, được đánh giá là "một nguyên lý rất tổng quát của giải tịch lỗi". *Định lý Hoàng Tuy* về minimax tổng quát trong không gian tô pô Hausdorff cũng được ông chứng minh một cách độc đáo trên cơ sở lý thuyết tập hợp. Giới chuyên môn quốc tế coi đây là "chứng minh đẹp nhất, rất tự nhiên và tao nhã" (the most beautiful demonstration, very natural and elegant). Tất cả, Hoàng Tuy đã công bố 140 công trình về tối ưu toàn cục. Tổng kết các kết quả nghiên cứu của các đồng nghiệp Việt Nam, nước ngoài và của cá nhân, Hoàng Tuy đã cùng nhà toán học CHLB Đức - Reiner Horst viết cuốn *Global Optimization (Deterministic Approches)*, bằng tiếng Anh dịch ra tiếng Việt là *Tối ưu toàn cục (tiếp cận tất định)*. Nhà xuất bản Springer-Verlag rất có uy tín trong mảng sách khoa học in lần đầu năm 1990, lần thứ hai năm 1993 và lần thứ ba (có sửa chữa, bổ sung) năm 1995. Năm 1996, Hoàng Tuy cùng Giáo sư Hiroshi Konno - Nhật Bản và nhà toán học trẻ Việt Nam Phan Thiên Thạch viết chung cuốn *Optimization on Low Rank*

Nonconvex Structures (*Tối ưu hoá trên những cấu trúc không lồi hạng thấp*) được Kluwer Academic Publishers, một nhà xuất bản khoa học nổi tiếng thế giới, in và phát hành rộng rãi. Năm 1997, nhà xuất bản này còn in bộ giáo trình đào tạo PhD (tiến sĩ) tập hợp các bài giảng của Hoàng Tuy ở Đại học kỹ thuật Graz (Áo), Viện Công nghệ Linkoping (Thụy Điển) Đại học Bách khoa Montréal (Canada). Lý thuyết toán của Hoàng Tuy ngày càng phát triển mạnh mẽ với nhiều ứng dụng trong khoa học cơ bản cũng như trong kinh tế, công nghệ trong đó có những vấn đề thuộc lĩnh vực mũi nhọn của thế giới về tin học và sinh học. Lý thuyết *Tối ưu DC* còn có hạn chế vì chỉ mới khai thác tính chất *lồi* hoặc *lồi đảo* trong khi đó tính đơn điệu lại rất phổ biến. Hoàng Tuy lại mở hướng nghiên cứu mới về *Tối ưu đơn điệu*, mà theo đánh giá của những chuyên gia trong ngành thì đó là khởi đầu của một giai đoạn mới cho *Tối ưu Toàn cục tất định*. Cho nên người ta gọi ông là “người cha của tối ưu toàn cục” (The Father of Global Optimization). Theo nhà báo Hàm Châu, người chuyên viết về cuộc đời các nhà khoa học ở nước ta, ngày nay, bất kỳ ai trên thế giới muốn đi vào lĩnh vực này, đều phải học những điều đã trở thành kinh điển ở “Toán học Hoàng Tuy”.

Ngoài *tối ưu toàn cục*, Hoàng Tuy còn nghiên cứu các lĩnh vực toán học khác như *hàm thực, giải tích lồi, vận trù học, lý thuyết hệ thống*. Giáo sư là

tác giả của một số công trình toán học xuất bản tại Việt Nam như *Giải tích hiện đại* (1965), *Lý thuyết quy hoạch tuyến tính* (1967), (*Phân tích hệ thống và ứng dụng* (1987) - những tài liệu giáo khoa nổi tiếng.

Hoàng Tuy thuộc dạng nhà toán học khai phá những con đường mới nổi tiếng thế giới, được thế hệ toán học nửa sau thế kỷ XX vinh danh. Năm 1988, tại Đại hội quốc tế về quy hoạch toán học lần thứ 13 tại Tôkyô các nhà toán học cho ra mắt tạp chí *Global Optimization* (Tối ưu hóa toàn cục). Hoàng Tuy là một trong số người sáng lập, được mời làm Tổng biên tập. Nhưng ông từ chối với lý do Việt Nam lúc đó liên hệ với nước ngoài còn nhiều khó khăn, chưa có điều kiện thuận lợi cho việc biên tập một tạp chí khoa học quốc tế. Ông cũng là ủy viên Ban biên tập nhiều tạp chí quốc tế nổi tiếng khác như *Mathematical Programming* (Quy hoạch toán học), *Optimization* (Tối ưu hóa). Nhiều trường đại học lớn của Mỹ, Áo, Pháp, Đức, Nga, Canada, Nhật, Thụy Điển, Đan Mạch, Thái Lan,... mời ông giảng bài và giúp đào tạo tiến sĩ chuyên ngành *quy hoạch toán học*. Năm 1995 ông được trường Đại học tổng hợp Linkoping (Thụy Điển) phong tặng *Tiến sĩ danh dự* về công nghệ. Trong 3 ngày, từ 20 đến 22 tháng 8 năm 1997, Viện Công nghệ Linkoping đã tổ chức một hội thảo quốc tế với chủ đề *Tìm tối ưu từ địa phương đến toàn cục* để tôn vinh Giáo sư Hoàng Tuy, "người đã có công trình tiên phong trong

lĩnh vực tối ưu toàn cục và quy hoạch toán học tổng quát nhân dịp Giáo sư tròn 70 tuổi. Các nhà toán học trên thế giới muốn dự cần gửi bản tóm tắt công trình đến Ban Tổ chức trước ngày 30 tháng 3 và gửi toàn văn chậm nhất vào ngày 1 tháng 6. *Kỷ yếu hội thảo* được xuất bản tháng 7 năm 2001 đồng thời ở Bôtơn (Mỹ), Luân Đôn (Anh) và Dordrecht (Hà Lan). Mười năm sau, tháng 12 năm 2007, vào tháng sinh nhà toán học Việt Nam, một hội nghị quốc tế về *Quy hoạch không lồi* lại được tổ chức ở Rouen, Pháp để ghi nhận những đóng góp tiên phong của Giáo sư Hoàng Tuy cho lĩnh vực này nói riêng và cho ngành *Tối ưu toàn cục* nói chung nhân dịp ông tròn 80 tuổi. Nhà nước ta đã trao tặng ông giải thưởng cao quý nhất - Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học kỹ thuật (Đợt 1, năm 1996).

Giáo sư Hoàng Tuy sinh ngày 17 tháng 12 năm 1927 tại Xuân Đài, Điện Bàn, Quảng Nam, là cháu nội Cử nhân Hoàng Văn Bảng, em ruột Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu (1832 - 1882), đã chiến đấu và tuấn tiết khi Hà Nội thất thủ. Người được đương thời khảng định là "sử sách nghìn thu còn truyền tiếng thơm tiết liệt". Ông nội làm Án sát (quan coi về nội chính) các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Nam, Hà Tĩnh. Thân phụ là Hoàng Kỳ, từng giữ chức Thị giảng học sĩ thời Duy Tân, Khải Định. Các anh em ông, 4 người nữa đều là giáo sư đại học: Hoàng Phê (ngôn ngữ học), Hoàng Quý (vật lý),

Hoàng Kiệt (mỹ thuật), Hoàng Chúng (toán học). Riêng Hoàng Tuy học Đại học Khoa học ngay trong kháng chiến chống Pháp. Hoà bình lập lại trên Miền Bắc, là giảng viên trường Đại học Tổng hợp danh tiếng, rồi được cử đi làm nghiên cứu sinh tại một trung tâm khoa học tốt nhất của phe Xã hội chủ nghĩa - Trường Đại học tổng hợp Lômônôxốp.

Như vậy, có thể nói, Hoàng Tuy xuất thân trong một gia đình có truyền thống hiếu học, khoa bảng. Bản thân ông lại được hưởng chế độ đào tạo bậc cao tốt nhất. Nhưng không phải cuộc đời nhà toán học chỉ hoàn toàn suôn sẻ. Năm ông bốn tuổi thân phụ qua đời. Gia đình lâm vào cảnh túng bấn, lại đông anh em, nên tuổi thơ của Hoàng Tuy gặp nhiều vất vả. Có điều tất cả, không vì thế mà anh em ông lơ là con đường đến trường. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, trong sự chuyển giao thời đại, anh học sinh Hoàng Tuy đã cố gắng tự học, "nhảy cóc" hai lớp trung học, ghi tên thí sinh tự do, dự thi và đỗ đầu cả tú tài phần một, rồi toàn phần ban Toán chỉ trong 4 tháng của năm 1946. Hoàng Tuy học Đại học Khoa học Hà Nội được hai tháng thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ông đành bỏ dở, trở về quê nhà, dạy trường trung học Lê Khiết ở vùng tự do Liên khu V. Nhưng chí học lên cao vẫn nung nấu trong lòng người thầy giáo trẻ tuổi mà "cơ hội thăng tiến" lúc bấy giờ không phải không sáng lạn. Vì thế, năm 1951, khi nghe tin Giáo sư

Lê Văn Thiêm, nhà toán học từ Pháp về tham gia kháng chiến chuẩn bị mở Trường Khoa học cơ bản, Hoàng Tuy liền xin phép ra Việt Bắc theo học thầy Thiêm. Một chuyến đi nghìn dặm "tầm sư học đạo" kéo dài gần sáu tháng đã được chàng "bạch diện thư sinh" thực hiện. Bao nỗi gian truân vất vả trên đường ông đều vượt qua. Nào đèo Le, huyện Giăng, huyện Hiên, nào núi Bút, Ba Rền, U Bò... Trong ba lô chỉ có gạo, muối và dăm ba cuốn sách toán tiếng Pháp đã được gỡ bỏ hết bìa cứng và xén hết lề cho nhẹ bớt... Khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, trường Khoa học cơ bản chuyển sang Khu học xá trung ương ở ngoại thành Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc). Các hiệu sách ở đây có bán sách toán tiếng Nga. Hoàng Tuy liền tự học tiếng Nga qua tiếng Anh bằng cuốn hướng dẫn sơ giản *Russian in Three Months* (Tiếng Nga trong ba tháng) để chưa đầy ba tháng sau, ông bắt đầu đọc được *Lý thuyết hàm biến số thực* của I. P. Natanson, tuy phải vừa đọc vừa luôn tay tra từ điển Nga - Anh, Nga - Hán. Sau này, trong kháng chiến chống Mỹ, không có tài liệu tham khảo cần thiết, cũng không nắm được diễn trình phát triển của toán học trên thế giới bao nhiêu, Hoàng Tuy vẫn cặm cụi nghiên cứu lý thuyết mà mình theo đuổi, bên cạnh việc giảng dạy, viết sách giáo khoa cho sinh viên tham khảo.

Lược thuật như thế để thấy Hoàng Tuy vừa giàu trí tuệ vừa được hưởng điều kiện gia đình, xã hội vào loại thuận lợi nhất có thể trong học tập, đào tạo. Nhưng rõ ràng, đấy chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ vẫn là sự say mê, tinh thần vượt khó cao độ. Nếu không có phẩm chất này, ông đã không thể trở thành nhà toán học Hoàng Tuy xuất sắc của thế giới hiện đại như ta biết hôm nay.

GV GƯỜI THẦY THÚ VỊ

Giáo sư Vũ Ngọc Khánh, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1926 (khai sinh năm 1927) ở Bến Thủy, Thành phố Vinh, Nghệ An, quê làng Hội Thống - Kẻ Hội (Xuân Hội) Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Nghi Xuân nổi tiếng cả nước vì cảnh đẹp và người tài. Đây là nơi Lê Thánh Tông (1460 - 1497) đã đến, lưu lại thơ ca ngợi. Các bậc thức giả đã kể ra *Nghi Xuân bát cảnh*. Là quê hương của Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Tả Ao tiên sinh danh vang thiên cổ. Có dòng họ Nguyễn Tiên Điền "Bao giờ Ngàn Hồng hết cây, sông Lam hết nước, họ này hết quan". Nhưng Vũ Ngọc Khánh thì xuất thân trong một gia đình "bình dân" ở một cái làng mà chất dân gian

nhiều hơn chất bác học. Ông bảo "sang thế kỷ XX, cho đến năm 1945, cả làng cũng chỉ có một mình tôi là vươn lên bậc trung học mà thôi". Dân làng hay đặt vè, hay "bom", nghĩa là nói bông đùa, gợi mở để dẫn dụ người nghe làm họ bị lôi cuốn, chinh phục. Con gái trong vùng đã phải dặn nhau "Chớ nghe Trang hót, Hội bom/Rồi ra ta sẽ nuôi con một mình". Chi họ Vũ của ông Khánh nói chung "nghèo". Tổ phụ, mang tên Vũ Văn Tiên mà không có tiền. Một buổi chạp choạng, nghỉ lưng trên tấm phản mọt, kêu bức sốt, đòi được quạt mát... Nhà không đủ tiền nên chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện mua quạt giấy để sẵn. Bà con dâu liền chạy ra bụi chuối, chặt một tàu về phe phẩy cho cha. Cụ thêm thiếp giặc nông rồi đi hẳn. Thuở ấy, cha ông Khánh đã phải lang thang cơ cực. Sau này kể với con, ông bảo là, đã đi ở, hầu 164 chủ. Thế rồi, ông trốn xuống một chiếc tàu ra tận Quảng Ninh, làm phu than ở Hòn Gai, Cẩm Phả và đi học nghề nấu bếp. Mười năm về Vinh làm cho một người Pháp, chủ Nhà máy diêm Bến Thủy. Có vẻ đời sống đã ổn, ông về quê tậu 4 mẫu ruộng, lấy vợ, lấy những hai người - hai chị em họ. Thành một tiểu địa chủ. Bà cả không có con, thầy Khánh gọi là mẹ, bà hai chỉ có mình thầy, thầy gọi bằng mẹ, đối xử như nhau, kính lễ, thưa mền trước sau như một. Hai bà nói chung ăn ở thuận hòa. Ai cũng một buồng, một giường, một tủ quy mô thước tấc y hệt. Trong nhà, mỗi người

một vốn riêng, có cách phát triển của mình, không xâm phạm lẫn nhau. Ruộng chia đều cho cả hai để cho cấy rẫy, lo các khoản chi phí đã được phân định rõ ràng. Họ hàng con cháu của ai người ấy chăm lo, tùy khả năng, tùy tâm. Nhưng tất cả đều vun đắp cho gia đình. Thầy Khánh bảo: "cụ thể là vun đắp cho tôi". Thân phụ thầy cũng là người "lạ". Và dĩ nhiên là có tài, tài trong phạm trù trí tuệ thảo dân, không đo đếm được bằng bằng cấp, chức tước. Đo bằng hành xử thông tuệ, hiệu quả. Ông không được đi học, cũng không ai dạy ông "một tiểu tiết học vấn nào". Chỉ mày mò mà biết nói tiếng Pháp (bồi), biết chữ Quốc ngữ, biết cộng trừ. Rất thích đọc sách báo. Trong làng, độc nhất mình ông mua báo, mua sách. Báo có *Thanh - Nghệ - Tĩnh tân văn*, *Tin tức*, *Hà Thành ngoại báo*, *Nhành lúa*, *Tràng An*, *Sông Hương*, nhất là *Tiếng dân*, đủ từ số đầu đến số cuối; *Việt Nam thanh niên tạp chí* (cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt) đủ bộ. Sách thì *Luận ngữ loại ngữ*, *Mạnh Tử quốc văn giải thích*, *Văn đàn bảo giám*, *Song Phụng kỳ duyên*, *Bình Sơn Lãn Yến*, *Kiều*, *Nhị độ mai*, *Hoàng Trừu*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, sách của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng,... Ông bắt con đọc hết, còn ông đêm đêm nghiền ngẫm đến khuya. Lại biết cả làm thơ, làm vè mà theo "giám định" sau này của "ông con Giáo sư" là "câu cú điêu luyện, dụng công tiểu xảo". Ông còn rất thích đàm luận văn chương, sử sách - và "hiện đại", "Tây" nhất

là hàng ngày viết nhật ký. Ông thân thầy cũng là người có ý thức chính trị tiến bộ. Dám che giấu, chu cấp cho người hoạt động cách mạng, lại có lần cầm đầu dân chúng theo đuổi một vụ kiện chức dịch, cường hào suốt 3 năm, khiến chúng bị lật đổ. Đã từng gọi người lập một tổ chức kiểu như "hợp tác xã mua bán".

Thầy Khánh kể cho chúng tôi, đám học trò "đã lớn" về gia đình mình như thế. Thỉnh thoảng chêm một lời "chú thích, dẫn giải" khách quan. Chẳng hạn, kể chuyện "đi ở" của cha, thầy nói, "không rõ ông có cường điệu hay không,... có lẽ trong gia đình ông bà nào đó có bao nhiêu người ông phải hầu hạ thì ông đều gọi họ là chủ", "rất hay chỉ vào các thứ bắt gặp, hỏi tiếng Pháp là gì, nếu không biết, ông dạy cho, không tin, tra từ điển, quả đúng!". Lại bảo "chưa thấy ông nhân chia bao giờ". Khi kể, mắt thầy hấp háy, loé sáng, mũi khìn khịt, miệng bập bập điều thuốc, mà thầy bảo "tau" (bao giờ thầy cũng xưng *tau*, gọi *bay* với học trò) hút nhiều, nhưng không có hại, toàn thở ra chứ không hít vô". Tất cả vẻ tinh anh đều hiển hiện.

Thì ra, Thầy thú vị vì sinh ra trong một gia đình thú vị, có một ông bố thú vị. Cùng những mặc nhiên dân dã, thói quen đọc, học, thuộc lòng qua sách báo ngấm vào thầy từ thuở thiếu thời.

Đến chuyện học hành của Giáo sư Vũ Ngọc Khánh cũng thú vị. Thân phụ ông có một chủ trương

rất lạ, chỉ cho con đi học trường tư. Học trường tư thời Pháp thuộc có cái hay, các thầy cô giáo không phải công chức, không ăn lương nhà nước nên tư tưởng tự do hơn, hành xử dân chủ hơn. Có người vốn là chính trị phạm, hoạt động chống chế độ cai trị hoặc hoạt động xã hội tiến bộ. Đầu tiên, thầy học vỡ lòng với ông chú họ ngoại, ham kể chuyện cổ, thích dạy những câu thơ dân gian "Pháp - Việt đê huê". Nghĩa là từ Pháp, từ Việt xen lẫn. Ví như "*Phi lê (cái lưỡi) vừa mới lăng xê (ném ra)/Poát sông (con cá) đầu đã háp pê (đớp) lấy mồi*". Tiếp đến học sơ học ở lớp do ông cậu mở tại gia từ năm 1935 đến 1937. Thầy giáo tuy chỉ dạy *yếu lược* (tương đương lớp 3, lớp 4 bây giờ) nhưng chữ Nho, chữ Việt, chữ Pháp đều thông thạo. Ông dạy rất giỏi, rất đức độ. Đến kỳ, rèn luyện, chọn 7 trò đi thi, cả 7 cùng đỗ, trong đó Vũ Ngọc Khánh đỗ đầu huyện. Sau đó là những năm theo học ở Vinh. Các trường Tiểu học Minh Tâm, Hồng Linh và đỗ Tiểu học yếu lược. Tiếp đến học Trường Cao đẳng Tiểu học Thuận An. Thời "Vinh" đã để lại trong Vũ Ngọc Khánh nhiều ấn tượng tốt về thầy, nhiều kỷ niệm bạn bè đẹp đẽ. Nhiều người trong số họ vốn đã tham gia hoạt động cách mạng hoặc sau này trở thành những nhà giáo tên tuổi. Các thầy Trần Hậu Toàn, Võ Thuần Nho, Đỗ Đức Dục, Nguyễn Thức Tư,... Các bạn Hoàng Trọng Hanh, Trọng Loan, Cao Huy Đình,... Suốt 4 năm học "trung học cơ sở" này, Vũ Ngọc Khánh thường được

điểm 17, 18 (trên 20) môn *Việt văn* và mê luôn nó. Đến nỗi, một số lần thầy Võ Thuần Nho phê vào bài tập *toán* "anh làm văn chứ có phải làm toán đâu!", khiến các bạn cười ồ. Ông Khánh đã "vận" mấy câu thơ Xuân Diệu để đáp lại: "*Anh ở học đường/ Rất tồi toán pháp, khá văn chương/ Chàng trai đi học nghe chim giảng/ Không thuộc bài đâu. Ấy sự thường*". Có lẽ cũng vì thế mà trò Khánh thi hỏng *đip lôm* (như tốt nghiệp THCS bây giờ). Nhưng ông không chịu *đúp* (học lại) mà nhất quyết xin bố cho ra Hà Nội, bỏ qua năm thứ nhất (như lớp 10) để học thi *tú tài I* (như lớp 11). Ông lại học trường tư, một trường rất nổi tiếng - Trung học Thăng Long, do Giáo sư Hoàng Minh Giám làm Hiệu trưởng. Trước đây các thầy Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp từng giảng dạy. Những tháng ngày học Thăng Long (bấy giờ đóng ở La Khê Đông, thuộc Thường Tín, tỉnh Hà Đông cũ), ông Khánh thường cứ sáng đến lớp, trưa ăn cơm đầu ghế, lên tàu điện về Hà Nội vào Thư viện Quốc gia (khi ấy gọi là Thư viện Pát-xki-ơ) đọc tư liệu, đến 8 giờ tối lại tàu điện về nhà. Ông ở nhờ nhà người anh họ xa, làm Phủ Thống sứ (cơ quan cai trị đầu não của Pháp ở Bắc Kỳ). Ông này chăm đọc, giao du rộng, quen biết nhiều bậc trí thức nên thỉnh thoảng thầy Khánh được đi với anh đến nhà họ. Một lần đến cụ Nguyễn Văn Tố (1889 - 1947) làm ở Viện Viễn Đông bác cổ, Hội trưởng Hội Truyền bá quốc ngữ (cụ Tố, sau cách mạng làm Bộ

trưởng Bộ Cửu tế xã hội của Chính phủ ta, một thời gian là Trưởng Ban Thường trực - Chủ tịch - Quốc Hội), học vấn của cụ khiến thầy vô cùng kinh ngạc. Chẳng là, nhằm lúc ấy có một người Pháp đang trong nhà, anh ta xin chỉ giáo một vài điểm về văn học Trung Quốc. Giảng giải chỉ một chữ *bồ đào* trong câu thơ *Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi* (Rượu nho ngon đựng trong chén ngọc dạ quang) ở bài *Lương Châu từ* (Khúc Lương Châu) của Vương Hàn (687 - 726) đời Đường (618 - 907) mà cụ nói vo, bằng tiếng Pháp suốt hơn một giờ đồng hồ. Dẫn sách Tàu, sách Tây, nói rõ cả chi tiết ấy nằm ở trang nào. Trên đường về, ông anh bảo ông em: "Xem đấy. Cứ phải học bằng một phần mười cụ Tố thì mới nói chuyện nghiên cứu viết lách được".

Ngày 9 tháng 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp, nhà trường tạm đóng cửa. Tháng 5, Vũ Ngọc Khánh khăn gói về quê, được bầu làm Bí thư Thanh niên Cứu quốc, là Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa huyện nhà. Sau Cách mạng Tháng Tám, tháng 5 - 1946, thầy được kết nạp Đảng, bốn tháng sau bổ sung vào Ban Chấp hành Huyện uỷ, giữ chức Phó Chủ nhiệm Việt Minh Huyện. Có điều, máu học luôn luôn âm ỉ, nên tháng 9, nghe tin các trường trung học ở Hà Nội mở lại, thầy xin tạm nghỉ việc để đi học tiếp. Vẫn học trường tư - Trường Tri Phương. Vừa mấy tháng thì Toàn Quốc kháng chiến, thầy Khánh, một lần nữa về Nghi Xuân, vẫn giữ các chức

vụ cũ. Rồi trường Trung học Chuyên khoa Khải Định từ Huế chạy ra Hà Tĩnh, đóng ở Đức Thọ. Lần này thì lạng lẽ dự thi và đậu vào năm thứ 3 (cuối cấp), lại xin nghỉ công tác, đi học. Một năm sau, thầy tốt nghiệp Chuyên khoa (tương đương bằng Tú tài - tốt nghiệp THPT), tiếp tục đảm nhận các cương vị đã được giao. *Từ đây con đường học hành chính quy của Giáo sư Vũ Ngọc Khánh hoàn toàn chấm dứt.* Sau này cũng không *chuyên tu, tại chức* để lấy bằng chuyên môn, nghiệp vụ gì cao hơn, chí ít là Cao đẳng Sư phạm! Thế mà dạy giỏi, dạy hay, dạy bao nhiêu học sinh tốt nghiệp THPT, dạy sư phạm, bồi dưỡng giáo viên, đại học viết văn và không học trò nào không kính phục. Thế mà tham gia hướng dẫn, giúp đỡ, phản biện nhiều người hoàn thành luận án Tiến sĩ rất có tín nhiệm. Thế mà ông có tổng cộng hơn 100 công trình nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tác phẩm sáng tác - phần lớn viết riêng và hơn 100 bài báo, tham luận khoa học thuộc hầu khắp các phương diện của lĩnh vực văn hoá - giáo dục. Đến nỗi khi có người hỏi: "Chuyên môn hẹp của ông là gì?", ông không thể trả lời ngay được. Nhưng chỉ biết nhiều học giả, giáo sư khả kính chuyên sâu từng ngành trong lĩnh vực này từ Vũ Ngọc Phan, Phạm Huy Thông, Xích Điếu, Nguyễn Đổng Chi đến Nguyễn Tài Cẩn, Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Chương Thái, Phong Lê, Nguyễn Huệ Chi, Trần Thị Băng Thanh,... và thế hệ sau, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Xuân Kính,

Tăng Kim Ngân, Nguyễn Thị Huệ,... đều mến mộ. Giáo sư Vương gọi ông Khánh là "Nhà bác học quảng vắn". Nghĩa là nhà khoa học đi nhiều, đọc nhiều, hỏi nhiều, biết lắm, "để" công trình đủ loại, không ngừng nghỉ. Giáo sư Chương Thâu giải thích: "Chúng ta đã thấy hình như Vũ Ngọc Khánh không chịu đi sâu hẳn vào một địa hạt riêng nào. Ông viết cả sách nghiên cứu văn học, nghiên cứu lịch sử, danh nhân, truyện ký... Ông không muốn thành một nhà folklore học (nhưng *Vũ Ngọc Khánh xứng đáng được ngồi chiếu trên của nền folklore học Việt Nam*), một chuyên gia văn học như người ta nghĩ... Ông không chịu làm một nhà sưu tầm, cũng không muốn thành nhà lý luận... Do đó, ông phải sưu tầm, khảo sát tất cả các loại hình... lĩnh vực nào cũng cố gắng thể hiện bằng những tác phẩm khá dày dặn, vừa điều tra, vừa nghiên cứu,... rồi với cái vốn kiến thức đa dạng, liên ngành này ông rút ra cái tinh túy trong tư tưởng Việt Nam. Tất cả những người trong giới văn hóa Việt Nam chúng ta ngày nay đều chưa có ai làm công việc này". Giáo sư Phong Lê còn định nghiên cứu về "Hiện tượng Vũ Ngọc Khánh". Thế có thú vị không? *Sự thú vị của chân tài, thực học.*

Hoạt động, công tác của thầy Khánh cũng nhiều sự thú vị không kém. Thời gian học trung học ở Vinh, ông đã có chân trong tổ chức Thanh niên phản đế do Đảng thành lập. Năm 1943, học năm cuối (đệ tứ niên) như Vũ Ngọc Khánh sẽ đi thi lấy

bằng *díp lôm* (thành chung), nên nhân dịp kết thúc năm học, học trò cử đại diện đọc diễn văn chúc thầy. Ông Khánh nhận trách nhiệm ấy. Trong buổi lễ, theo thông lệ diễn văn phải bằng tiếng Pháp, thì Vũ Ngọc Khánh lại trình trọng đọc một bài tiếng Việt. Nhưng đó chính là bài cảm động nhất từ trước tới nay, bởi nó thấm đẫm tình thầy trò và nhất là giàu ngụ ý tuyên truyền chính trị. Cho đến tận bây giờ vẫn có người dự khán còn nhớ một câu đặc sắc: "*Thực ra, chúng con là những kẻ tỉnh giấc mê say, mà tiếng chuông cảnh tỉnh là do ở học vấn, ở thời gian và ở các thầy đưa đến*". Học Thăng Long, ông Khánh tiếp tục bất liên lạc và hoạt động trong Việt Minh Hà Nội. Chưa đảng viên mà làm Bí thư Thanh niên Cứu quốc, Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa huyện. Lại còn được thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa đọc Tuyên ngôn về việc Chính quyền đã về tay nhân dân trước hàng ngàn đại biểu dân chúng Nghi Xuân quê nhà. Tuyên ngôn không dài, bố cục các nội dung phải thông qua đầu vào đáy, thế mà đọc xong, Vũ Ngọc Khánh thấy tinh thần mọi người hào hứng quá nên ứng khẩu thêm mấy câu vần vắn:

Việt Minh tha thiết chào mời

Mau vào hàng trận diệt loài xâm lăng

Việt Minh mong ước gần xa

Cùng dân nô lệ xông pha chiến trường

Năm 1948 đang là Ủy viên Ban Chấp hành Huyện uỷ, Phó Chủ nhiệm Việt Minh Huyện, ông

đề xuất thành lập trường trung học huyện, được cử làm Hiệu trưởng, không nhận, muốn làm giáo viên, chỉ xin thành lập trong trường một chi bộ, để cử người khác vào chân Bí thư, còn mình là Huyện uỷ viên phụ trách. Từ đó, hơn 20 năm ông biên chế trong ngành giáo dục, Hà Tĩnh, Nghệ An, rồi đứng lại lâu nhất ở Thanh Hoá mà Cấp III Lam Sơn những 10 năm. Dạy đủ các môn học: văn, sử, chính trị, triết, Anh văn, Pháp văn, cả Hán văn, lại chen vài giờ kinh tế, toán học, sinh vật học; dạy đủ các ngành học, bậc học, cấp học, từ vỡ lòng trở lên. Cả ở Trường Đảng. Thầy Khánh có thơ về chuyện này mà thầy gọi là "bài thơ tự đắc" - tự đắc ý với quá trình làm giáo dục của mình:

*Vào ngành sướng nhất chắc là tôi
 Các loại trường đều "ném" cả rồi
 Mẫu giáo, Bình dân, kiêm Tại chức
 Phổ thông, Sư phạm lại Đào, Bồi
 Cũng mãn Hiệu trưởng dăm ba bữa
 Lại có về Ty mùa một hồi
 Sách vở viết ra in được cả
 Đi đâu cũng thấy gọi Thầy ơi!*

Từ năm 1970, ông chuyển từ ngành giáo dục sang làm việc tại Ty Văn hóa Thanh Hóa (nay là Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch), đầu tiên là cán bộ Ban Sử, sau Phụ trách Tiểu ban Văn nghệ Dân gian cũng là sở trường mà Vũ Ngọc Khánh đã công bố

thần tổ các ngành nghề, truyện địa danh, thành hoàng làng,... đều trên dưới 1000 trang mỗi cuốn. Rồi viết truyện các danh nhân, trên 15 đầu sách, trong đó có những tác phẩm chất lượng cao như *Nguyễn Công Trứ, Ba trăm năm lẻ* (viết về Nguyễn Du), *Bi kịch nhà vua* (viết về Tự Đức). Vũ Ngọc Khánh còn biên soạn, tham gia biên soạn các từ điển,...

Giáo sư Vũ Ngọc Khánh về hưu hành chính năm 75 tuổi nhưng vẫn ra sách đều. Năm 85 tuổi, nhân dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, ông còn hứng chí soạn *Nghìn năm Thăng Long đại cáo* mà nhiều báo đăng, đài phát liên tục. Trong đó có những đoạn sang sảng:

*Trời Bách Việt, chim Âu vỹ cánh, cắm cơ đồ
theo ngựa trắng, trâu vàng*

*Đất Nam phương, ruộng Lạc khoe màu, mở vị trí
theo rồng bay phương mùa*

*Bắc có hổ ngồi, Nam có rắn cuộn, khắp cõi Việt
đây là nơi tụ hội bốn phương*

*Đông mặt trời mọc, Tây sao ẩn hình, nhìn cả
nước, đây là chốn đế đô thắng địa*

Vững vàng trong sóng gió bão bùng

Óng ánh lúc trời chiều bóng xế

Diện Diên Hồng đồn dập tiếng tung hô

Đền Đồng Cổ thiêng liêng lời tuyên thệ

Lời thề này tồn tại cả xưa nay

Mới biết Linh khí Thăng Long là như thế.

Có những câu gan ruột:

*Một nghìn năm Thăng Long đất Việt thân yêu
Chào Hà Nội, Thành phố Hòa bình cao quý*

Nghe lời đại cáo,

Ta hẳn tin rằng

Xã hội công bằng

Quê hương tráng lệ

Rất tự do cho nhân dân nắm vững dân quyền

Rất dân chủ cho độc lập thực tròn ý nghĩa

Cho Việt Nam tô đậm: đẹp vui hùng

Cho Hồng Lạc sáng ngời: chân thiện mỹ

*Nhớ Hà Nội của những ngày sáng nghiệp, trăm
nghìn tim đúc lại một con tim.*

*Nhớ Thăng Long của những cuộc hưng vong,
muôn vạn sức tạo nên nền thịnh trị.*

*Mở cỗ máy giữa năm châu rộng lớn, từng bừng
cùng Hà Nội thăng hoa*

*Viết bài thơ vắn thảng vút lên cao, hào hứng với
Thăng Long tứ khí.*

Giáo sư Vũ Ngọc Khánh được công nhận là *Lão thành cách mạng*, được tặng thưởng *Huân chương Độc lập* và *Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng*. Chắc chắn thầy sẽ còn nhận *Huy hiệu 70 năm*. Cầu chúc thầy nhận thêm *Huy hiệu 80 năm* nữa, để chúng em, khi ấy, may mắn ra còn được ăn mừng.

*Sự thú vị Vũ Ngọc Khánh chính là chỉ biết việc,
không biết chức tước, đòi hỏi dãi ngộ nhiều, những
gì đến tự nhiên sẽ đến.*

Người ta gọi ông là "Người lữ hành không mệt mỏi trên đường khoa học".

Một thú vị nữa là con người đời thường và cách hành xử của Giáo sư Vũ Ngọc Khánh. Ông tự thấy mình suốt đời là "người nhà quê", lơ ngơ trước các thú vui, lơ ngơ ngác khi đến chốn phồn hoa, lúng túng trước người vị kỷ khéo léo. Ngày xưa, thấy người phong tao cầm trống chầu, ông cũng từng thử. Nhưng "*chẳng hơn gì con quạ ở đâu, lơ mơ mổ tấm da trâu cái thùng*". Vũ Ngọc Khánh không thú tổ tôm và các trò chơi "bác học" khác, chỉ biết nhiều trò chơi dân gian. "Khăn đóng, áo the, guốc mộc", mãi khi học ở Hà Nội mới biết đến Âu phục. Bây giờ uống rượu chỉ cầm cho phải phép, bia không cạn nổi chén mắt trâu. Ít xem chiếu bóng, biểu diễn sân khấu, các môn thể dục, thể thao cũng rất kém. Món ăn sang trọng, gia vị này nọ "thực bất tri kỳ vị" vì quen dưa cà mắm muối. Ăn mặc thường bị chê là luộm thuộm, vẫn thích dùng đồ lạc mốt của con cháu. Ra ngoài có tật hay quên cài khuy áo, khuy quần, nhắc nhở lại biện bạch xuề xòa "là tật của Xéc-van-tét (văn hào Tây Ban Nha, tác giả bộ tiểu thuyết lừng danh *Đôn-ky-hô-tê*). Vẫn không biết thất ca vát, không quen đi giày đen bóng, chỉ ưa dép cao su. Tuổi già, kiểm điểm lại, ông thấy mình là "anh học trò chậm hiểu nhất trong trường đời". Thăm bạn bè, họ hàng, cấp trên, các bậc đàn anh mãi đến những năm gần đây, do con cái hỏi nhỏ

"ông cứ đi xuống như vậy à?" mới hiểu ra là phải có quà, mà lại còn ngạc nhiên mất một lúc rồi mới hiểu. Con bảo, ba lúc nào cũng *rất vô tư*, tưởng nó khen là công bằng. Cứ bần khoản làm sao người ta đi nước ngoài (hồi bao cấp) lại mang nhiều "đồ đặc" về thế. Ông đi, chỉ mua cái gậy chống, bị cười "ông già hâm", còn làm thơ "tranh luận":

*Tớ mua cái gậy ở Liên Xô
 Thiên hạ cho là cái dại to
 Đồng rúp không xoay cho nảy lợi
 Đô la chẳng biết khuấy xôm trò
 Tìm đường không phụ tình Ông Mác
 Mất cấp thêm thương cảnh Cụ Hồ
 Tớ khác các anh cần cái gậy
 Không cần cái bị nhỏ hay to.*

Nghe câu thành ngữ xưa "Lẽ bạc lòng thành" hiểu theo nghĩa bây giờ "bạc" là vàng bạc cứ cười mãi, khen thẳng hậu bối nào phân tích giỏi đến Giáo sư văn hóa dân gian cũng không cãi vào đâu được.

Những người quen biết Giáo sư Vũ Ngọc Khánh, dù thân hay sơ, thường nhật hay "năm thì mười họa" mới gặp, bạn bè, đàn em hay học trò đều thú vị là ở đâu, với ai ông cũng là bạn thân mật, chân tình, trân trọng. Ngay với bạn nước ngoài cũng vậy. Hồi đi Liên Xô, một cô Phó tiến sĩ ở Viện Hàn lâm hỏi chuyện, không biết đáp thế nào vì không biết tiếng, ông cười, gửi cô câu thơ: "*Anh thì mù tịt chữ Nga/ Em mù chữ Việt, đôi ta cùng mù!*". Nhà nghiên cứu

văn nghệ dân gian Lê Huy Trâm, học ông ở Cấp III Lam Sơn khoá 1956 - 1959, sinh thời nhớ mãi lần thầy Khánh cho uống nước, ăn kẹo lạc và bảo đóng kịch *Trường giả học làm sang* của Mô-li-e, hồi được trích giảng để làm tiết mục văn nghệ kết thúc năm học. Tập khuya, thầy lại cho ăn phở *gánh* (không xây quán mà gói gọn trong một cái gánh). Nhà thơ Võ Văn Trực thì không quên lần thầy từ Lam Sơn về trường cũ Huỳnh Thúc Kháng (Vinh) chấm thi tốt nghiệp cấp III. "Học trò xúm xít quanh thầy vừa kính trọng vừa gần gũi thân mật. Với một cử chỉ thật là dân tộc, thầy cho đĩa này một ít tiền, đĩa kia một ít tiền bảo tối đi xem dân ca ngoài trời". Ngay học trò viết tiểu chuyện này, cũng ghi nhớ, tháng 11 - 1991 (đã 10 năm thầy xa Thanh Hóa ra Hà Nội) nhận được cuốn sách *Tác gia Vũ Ngọc Khánh - Qua những lời bình* do học trò và đồng nghiệp cho ra mắt (NXB Văn hóa, H. 1991) nhân dịp thầy 65 tuổi cùng thiếp *Lưu niệm* in bài thơ thất ngôn, luật Đường *Lời cảm tạ*.

*Mê mãi trên đường, chẳng nghĩ chân,
Ban mừng, ờ đã sáu lăm xuân.
Sử xanh đất nước ngời thanh sử,
Người đẹp phương trời ngóng mỹ nhân.
Biết ngọc thẹn còn treo giá ngọc
Theo dân há dám phụ tình dân.
Tạ lòng lại nhớ câu thơ cũ:
Thiên hạ thủy nhân bất thức quân.*

Nhận quà và lời cảm tạ của thầy mà lòng hổ thẹn vì sự lơ là nên lỗi đạo đệ tử, mặc dù khi ấy quả tình không được biết để mừng thầy. Liền cảm động họa lại bài thơ, giữ riêng cho mình:

*Việc đời thường lộng giả thành chân
Giả giả chân chân hạ với xuân
Một liếc còn e câu nhất kiến
Gặp người chi chắc đã phùng nhân
Thầy ơi, tiên thánh còn cao ẩn
Bạn ạ, trần ai có dật dân
Gió bụi kinh thành treo Khánh Ngọc
Thập niên thiên hạ cộng tri quân.*

Nay nhân viết về thầy, kể lại chuyện để tạ lỗi, cũng là minh chứng cho cái tình của Giáo sư Vũ Ngọc Khánh đối với học trò. Hệt như thầy đã tự trào "Viết văn chẳng nhập hàng văn sĩ/Dạy học ngồi chung ghế học trò".

Còn có những chuyện kỳ thú nữa xung quanh cái tài nói *Truyện Kiều* của thầy Khánh mà người Thanh Hóa lớp trên 60 tuổi còn nhớ. Năm 1965, Kỷ niệm 200 năm sinh Thi hào dân tộc Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới, "Có một cô thôn nữ ở Hải Hoà, Tĩnh Gia, sau khi nghe thầy nói chuyện đã gửi thầy bài tập Kiều: "*Truyện Kiều càng nói càng trong/Càng say sưa lắng càng mong mỗi chờ/Mai sau dù có bao giờ/Đã tin khổ tận, khá ngờ cam lai/Còn trời đất, còn xuân tươi/Còn thơ tình nghĩa, còn người yêu thơ*". Rồi một tuần lễ sau, tại nơi công

tác (bây giờ gọi là Sở Giáo dục và Đào tạo), thấy nhận được thư của cô với những lời thăm thiết hơn, nhấn nhủ hơn: "*Hoa cười đón ánh nắng đông/Ghi đôi dòng chữ tấm lòng tặng anh*". Sau này cô gáí thành một cán bộ lãnh đạo của huyện uỷ. Hồi ấy, ở Thanh Hoá vẫn lưu truyền câu ca: "*Nghe tin ông Khánh giảng Kiều/Cho dù bão sớm giông chiều cũng đỡ*". Thầy Vũ Ngọc Khánh với Xứ Thanh là cả một không khí!

Nay Giáo sư Vũ Ngọc Khánh đã tám mươi sáu tuổi trời cho. Ngay đến cả cái lần "Trời" định lấy đi (1992) của ông cũng lý thú một cách kỳ lạ. Năm ấy, thầy bỗng lâm chứng bệnh bất thường, tự nhiên ngã quay xuống đất, không còn biết gì nữa. Người nhà đưa vào bệnh viện, nằm suốt hai tuần lễ mà vẫn mê man. Khi tỉnh thì như người loạn thần trí, bác sĩ cũng không tìm ra bệnh. Gia đình và cơ quan đã nhiều thất vọng. Tin loang xa là đã chết, có ông Tiến sĩ ở Thái Bình đã làm văn tế gửi về. Thế rồi, Tiến sĩ Tăng Kim Ngân bàn để cô và cậu con út đi cầu đồng ở Hải Dương xem sao. Bà đồng phán, nhà có ngôi mộ ông tam đại thất lạc, hồn cụ bơ vơ nên làm ảnh hưởng đến thầy. Di hài thì ở đâu đó mà quan trọng nhất là trong sọ có một con sâu. Phải gấp con sâu này ra thầy mới khỏi bệnh được. Bà đồng lại bảo thế, thế... sẽ tìm thấy mộ. Mộ thất lạc thì đúng, nên gia đình cử người về quê. Quả nhiên mọi sự diễn ra y như lời. Cũng lúc này, bệnh viện định

hội chẩn, nhưng một vị bác sĩ bạn thầy xin chịu trách nhiệm đưa về Viện ông (Bệnh viện Việt Đức) điều trị. Rồi ông ấy mổ sọ, rút máu độc. Chỉ vài giờ sau khi phẫu thuật, thầy tỉnh hẳn, trò chuyện được, vài tuần thì về. Lại làm việc, như chưa có gì xảy ra.

Đời thường này mấy ai sống được như vậy! Nhờ nguồn cội đã đánh, còn phải nhờ bản nhân nữa. Cả đời thầy theo nguyên tắc ba không: *Không buồn - Không vụ lợi - Không xấu với bất cứ ai*. Nên mới được!

Cho nên có thể nói không ngoa rằng, với những *thú vị* thầy góp cho đời (cũng là *Anh hoa phát tiết ra ngoài*) - Giáo sư Vũ Ngọc Khánh từ cuộc đời, tính cách đến sự nghiệp là cả một cái *Bảo tàng*. Ai biết xem sẽ rút ra nhiều điều quý báu.

đổi. Có hỏi thì cha giải đáp theo kiểu hỏi lại. "Con thấy chữ này giống hình gì?" - "Hình người đang đứng cúi đầu" - "Thế còn hình bên cạnh?" - "Con có thấy giống ngọn núi không?" - "Giống ạ!". "Người sống trên núi cao là tiên - chữ này là chữ "tiên". "Còn hình bên cạnh này có giống cái cây không?". Lại thưa: Giống ạ! "Người ngồi dưới gốc cây để làm gì?". Đưa con trả lời, để nghỉ ngơi. "Đúng rồi! Chữ này là chữ "hưu", nghĩa là "nghỉ ngơi". Cứ thế, thứ chữ tượng hình này đã kích thích hứng thú của cậu bé. Rảnh rồi, người cha thường kể cho con nghe nhiều chuyện Tàu. *Đông Chu liệt quốc, Tây du ký, Thủy Hử, Hán Sở tranh hùng, Tam quốc diễn nghĩa, Chinh đông, Chinh tây, Mạnh Lệ Quân thoát hài,*... Nhưng gây ấn tượng nhất với cậu bé là câu chuyện Tào Mạt thời Đông Chu liệt quốc. Bấy giờ Tề Hoàn Công làm bá chủ thiên hạ, muốn ra oai, đem quân đánh một thuộc quốc của nước Lỗ, rồi gửi thư mời vua Lỗ là Lỗ Trang Công sang Tề hội thề. Tào Mạt xin đi theo để giữ cho không mất thể diện của nước. Hôm làm lễ thề, Hoàn công truyền lệnh chỉ cho vua nước Lỗ và một người nữa theo hầu được lên đàn, còn tất cả quân sĩ phải đứng dưới đất. Lỗ Trang công vừa leo lên đài vừa run, Tào Mạt trong mặc áo giáp, tay cầm kiếm theo sát sau lưng, ung dung bước, không sợ chút nào. Quan nước Tề định không cho Tào Mạt đem theo kiếm, nhưng Tào Mạt trừng mắt đến hai kẻ mắt đứt cả ra, viên

ƠN GƯỜI CÙNG KHỔ

.....

Khoảng giữa thập niên thứ 3 của thế kỷ trước, ở xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Thành phố Hà Nội có một người đàn ông trung niên họ Nguyễn. Vì theo đòi nghiên bút bất thành, thất cơ lỡ vận đành ngậm ngùi dẫn theo đứa con trai trạc năm sáu tuổi tên là Nguyễn Duy Thục đến ở trông coi nhà thờ họ cho một gia đình thuộc hàng gia thế trong vùng. Chủ nhân đương thời là vị quan lớn đầu tỉnh. Người cha được giao trông coi, quét dọn thường ngày, xuân thu nhị kỳ cả gia tộc mới kéo về lễ bái. Công việc cũng chẳng lấy gì làm bận bịu, vất vả. Khi cha làm việc, cậu bé ra ra vào vào ngắm nghía thứ chữ tượng hình trên những bức hoành phi, câu

đổi. Có hỏi thì cha giải đáp theo kiểu hỏi lại. "Con thấy chữ này giống hình gì?" - "Hình người đang đứng cúi đầu" - "Thế còn hình bên cạnh?" - "Con có thấy giống ngọn núi không?" - "Giống ạ!". "Người sống trên núi cao là tiên - chữ này là chữ "tiên". "Còn hình bên cạnh này có giống cái cây không?". Lại thưa: Giống ạ! "Người ngồi dưới gốc cây để làm gì?". Đưa con trả lời, để nghỉ ngơi. "Đúng rồi! Chữ này là chữ "hưu", nghĩa là "nghỉ ngơi". Cứ thế, thứ chữ tượng hình này đã kích thích hứng thú của cậu bé. Rảnh rồi, người cha thường kể cho con nghe nhiều chuyện Tàu. *Đông Chu liệt quốc, Tây du ký, Thủy Hử, Hán Sở tranh hùng, Tam quốc diễn nghĩa, Chinh đông, Chinh tây, Mạnh Lệ Quân thoát hải...* Nhưng gây ấn tượng nhất với cậu bé là câu chuyện Tào Mạt thời Đông Chu liệt quốc. Bấy giờ Tề Hoàn Công làm bá chủ thiên hạ, muốn ra oai, đem quân đánh một thuộc quốc của nước Lỗ, rồi gửi thư mời vua Lỗ là Lỗ Trang Công sang Tề hội thề. Tào Mạt xin đi theo để giữ cho không mất thể diện của nước. Hôm làm lễ thề, Hoàn công truyền lệnh chỉ cho vua nước Lỗ và một người nữa theo hầu được lên đàn, còn tất cả quân sĩ phải đứng dưới đất. Lỗ Trang công vừa leo lên đàn vừa run, Tào Mạt trong mặc áo giáp, tay cầm kiếm theo sát sau lưng, ung dung bước, không sợ chút nào. Quan nước Tề định không cho Tào Mạt đem theo kiếm, nhưng Tào Mạt trưng mắt đến hai kẻ mắt đứt cả ra, viên

quan nọ đành lùi lại. Hai vua Tề, Lỗ làm lễ dâng hương xong, đến nghi thức cùng uống máu ăn thề, Tào Mạt bước lên, tay phải rút kiếm, tay trái nắm áo Tề Hoàn Công, hăm hăm nổi giận, đòi nước Tề phải trả lại đất đã chiếm mới uống. Vua Tề đành thuận theo, đem đất Vấn Dương trả lại cho nước Lỗ.

Năm Cách mạng Tháng Tám thành công, Nguyễn Duy Thục, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1930, đã gần 15 tuổi, đã sống trọn tuổi thơ như chính ông sau này tổng kết: "Trước cách mạng tôi thất học và phải làm nô lệ theo nghĩa đen của từ này" hồ hởi tham gia hoạt động tại huyện Thạch Thất, quê nhà. Đến 1950 thì vào bộ đội, đổi là Nguyễn Đăng Thục, lần lượt làm công tác chính trị ở Tiểu đoàn 84, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320, cán bộ địch vận của Tỉnh đội Sơn Tây. Bám chặt vùng địch hậu, vận động nhân dân, có lần Nguyễn Đăng Thục phải nằm chuồng bò 3 ngày liền, vì dân không tin, cho là Việt gian đóng giả cán bộ. Sau họ đổ khoai ngứa vào máng xem có ăn không. Nếu ăn được mới thật là "người của ta", cùng một họ "Nghèo khổ". Anh đã ăn, bởi chịu cực quen rồi. Năm 1954, Nguyễn Đăng Thục được điều về Đoàn văn công Quân khu Ba. Năm 1960 về Đoàn văn công Quân khu Tả ngạn làm Đội trưởng Đội Kịch. Năm 1962 là Đoàn trưởng. Từ 1963 làm cán bộ công tác sân khấu của Tổng cục Chính trị. Chuyển sang hoạt động văn nghệ, tiếp xúc thường xuyên với giới văn nghệ sĩ, Nguyễn Đăng Thục tập sáng

tác kịch bản. Đầu tiên là kịch nói, sau là chèo. Ông lấy bút danh là Tào Mạt. Cái tên cứng cơm Nguyễn Duy Thục hay Nguyễn Đăng Thục cũng bị quên từ đấy. Nhiều người đã giải thích cái bút danh "đặc sệt Trung Quốc" này. Họ cho rằng, hình ảnh dưng sị Tào Mạt trong câu chuyện cha kể thuở niên thiếu ám ảnh không nguôi nên ông mới dùng làm tên khi sáng tác và nhất là để tỏ rõ ý chí bất khuất trước kẻ mạnh. Tào Mạt không cải chính gì về cách hiểu này. Ngay cả khi một số nói đùa, hay ông thích tính đa nghi của Tào Tháo mà lấy họ Tào; hoặc giả tự cao nên theo họ của Tào Ngu, nhà viết kịch nổi tiếng Trung Quốc và thế giới thời hiện đại, Tào Mạt cũng chỉ cười. Nhưng theo nhà báo Lê Thu Hạnh, thì có lần nói chuyện với chị khi nằm Viện quân y 108 vào năm cuối đời (Tào Mạt mất ngày 13 tháng 4 - 1993), ông tự nhiên bảo: "Tào là gì? Là một lũ. Còn Mạt là cùng đinh, khốn khổ. Tào Mạt là Le Paria" (*Người cùng khổ* - như tên tờ báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập khi hoạt động ở Pháp năm 1922).

Đầu tiên Tào Mạt viết kịch nói, những kịch bản ngắn *Cái ba lô* (1958), *Người chiến sĩ nhân dân* (1959). Ông cũng "làm" chèo gần như song song. Với *Anh Giang đi bộ đội* (1959), tiếp đến *Cuộc đời theo Đảng* (hay *Chị Tâm bến Cốc*) viết năm 1960. Nhưng tất cả chỉ dừng lại ở mức độ "thú vị một cách nghiệp dư", đúng "đường lối", phục vụ kịp thời. Tào Mạt liền dừng sáng tác để học tập, "tu nghiệp,

luyện nghề". Năm 1965, khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ 2 - chống Mỹ, Tào Mạt viết trở lại. Những vở chèo mới lần lượt ra đời, bắt đầu ghi danh Tào Mạt: *Bài thơ viết dở* (1965), nhất là *Đường về trận địa* (1966), đồng tác giả với Hoài Giao, một dấu son của sân khấu chèo thời ấy. Rồi *Anh lái xe và cô chống lầy* (1967), *Nguyễn Viết Xuân* (1970, cùng Nguyễn Đức Thuyết). Các vở vừa gắn với nhân vật, vấn đề hiện đại vừa "ngọt lịm" chèo. Mâu thuẫn không dồn nén như kịch mà "lan tỏa", kết nối bằng các mảng, miếng, buồn, vui, bi, hài đan quện, không đẩy tận cùng. Tào Mạt cũng tiếp tục sáng tác kịch: *Trong phòng trực chiến* (1965). Nhưng đúng là với Tào Mạt, kịch nói "đỉnh cao" vẫn ở "phía trước". *Đỉnh cao phía trước* (1967) là vở cuối cùng của ông. Từ sau đấy, ông chỉ chuyên tâm vào chèo - "Duyên nợ ba sinh" của nhà nghệ sĩ. Cái duyên lành - đặt mối từ hồi bị "bỏ bùa" khi xem cụ Trùm Thịnh, cụ Cả Tam, Bạch Tuyết, Lệ Hiền diễn vở *Quan Âm Thị Kính* ở rạp Ái Liên trên phố Huế - Hà Nội - bây giờ càng bùng lên dữ dội. Vượt qua bế tắc, đau ốm những năm cuối 70 (thế kỷ XX) "có một số người cho là nghệ thuật chèo hoàn toàn khủng hoảng, đưa ra thuyết này, thuyết nọ; trên sân khấu xuất hiện những vở gọi là chèo, nhưng hoàn toàn xa lạ. Tào Mạt mắc bệnh nặng, đau đầu, hoảng loạn tâm thần, bi quan về sự tồn tại hay không tồn tại của một ngành nghệ thuật mình đã bỏ bao tâm lực

để bảo vệ, chăm sóc. Anh sợ hãi mọi sự tiếp xúc, bản thân suốt ngày, chối bỏ hết mọi điều tâm đắc từ trước tới nay... Cơn đau bệnh thể chất, tinh thần kéo dài đến hàng năm" như nhà văn Chu Văn kể lại, Tào Mạt đã làm cho chèo không những "sống" mà còn đưa thứ nghệ thuật "cùng chung máu thịt" với ông lên đỉnh vinh quang bằng *Bài ca giữ nước* (1980 - 1986). Đó là một bộ - ba vở liên hoàn, nội dung cốt truyện diễn ra vào đầu thời Lý: "Lý Thánh tông tuyển hiền" - "Ỗ Lan nhiếp chính" và "Lý Nhân Tông kế nghiệp". *Từ điển văn học - Bộ mới* (NXB Thế giới, H. 2004), đánh giá bộ ba này như sau: "Các nhân vật lớn, các sự kiện lớn đều được ông đưa vào tác phẩm nhưng không phải nhằm minh họa lịch sử mà muốn mượn những vấn đề của lịch sử để nói về những vấn đề của hôm nay,... Nội dung của bộ ba tác phẩm này đã động chạm đến những vấn đề nhức nhối và hết sức nhạy cảm trong xã hội. Thành công về nghệ thuật của tác phẩm - xét trên cả bình diện văn học cũng như nghệ thuật chèo - cũng rất đáng kể,... Có thể nói, sau cách mạng tháng Tám, *Bài ca giữ nước* của Tào Mạt thuộc số những vở chèo thành công nhất. Ông là "một hiện tượng lạ của sân khấu Việt nam hiện đại" (Tất Thắng), có vị trí đặc biệt trong việc bảo tồn và phát huy ngành nghệ thuật chèo trong đời sống đương đại". Nhà văn Lê Hoài Nam thì phân tích, tổng kết *Bài ca giữ nước* có ba cái nhất. Một là, xây dựng nhân vật rất